

HIỆN TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA Ở XÃ VINH HÀ, HUYỆN PHÚ VANG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Bùi Thị Thu*, Trần Hữu Đạo, Thái Nhật Trường

Khoa Địa lý – Địa chất, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

*Email: lapthuhue@gmail.com

Ngày nhận bài: 12/6/2019; ngày hoàn thành phản biện: 13/6/2019; ngày duyệt đăng: 02/7/2019

TÓM TẮT

Xã Vinh Hà có diện tích đất nông nghiệp chiếm 46,9% tổng diện tích đất tự nhiên. Trong đất nông nghiệp, đất trồng lúa chiếm 56,7% diện tích. Như vậy, nền nông nghiệp xã Vinh Hà chủ yếu dựa vào sản xuất lúa. Trên cơ sở đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường của việc sử dụng đất trồng lúa chỉ ở mức trung bình và những khó khăn trong sản xuất lúa hiện nay, một số giải pháp cao hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đã được đề xuất liên quan đến sử dụng trồng lúa tiết kiệm, có hiệu quả, huy động vốn đầu tư từ nhiều nguồn vốn khác nhau, mở rộng thị trường cho sản xuất lúa, nâng cao và hoàn thiện cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn và khuyến nông.

Từ khóa: Hiệu quả sử dụng đất, đất trồng lúa, xã Vinh Hà.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất trồng lúa là đất có các điều kiện phù hợp để trồng lúa, bao gồm đất chuyên trồng lúa nước và đất trồng lúa khác. Trong đó, đất chuyên trồng lúa nước là đất trồng được hai vụ lúa nước trở lên trong năm; đất trồng lúa khác bao gồm là đất chỉ phù hợp trồng được một vụ lúa nước trong năm và đất trồng lúa nương [3]. Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì việc sử dụng đất (SDĐ) trồng lúa một cách tiết kiệm và hiệu quả không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế mà còn đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, ổn định chính trị - xã hội.

Xã Vinh Hà nằm ven phá Tam Giang - Cầu Hai và ở phía Đông Nam của huyện Phú Vang. Toàn xã có diện tích tự nhiên 2.941,86 ha. Trong đó, diện tích đất trồng lúa là 782,05 ha, chiếm 79,9% diện tích đất sản xuất nông nghiệp và 26,6% diện tích tự nhiên [7]. Trong những năm qua, hiệu quả kinh tế của việc SDĐ trồng lúa chưa cao. Bài báo này tập trung phân tích hiện trạng và đánh giá hiệu quả SDĐ trồng lúa nhằm đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả SDĐ trồng lúa ở xã Vinh Hà.

2. DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Dữ liệu

- *Dữ liệu thứ cấp*: Bao gồm các loại tài liệu, bản đồ đã điều tra, thực hiện trên địa bàn xã từ năm 2010 đến nay như quy hoạch SĐĐ (trong đó có đất trồng lúa), báo cáo tổng kết tình hình sản xuất nông nghiệp, kiểm kê đất đai và niên giám thống kê từ năm 2017.

- *Dữ liệu sơ cấp*: Bao gồm các phiếu điều tra kết quả sản xuất lúa của 56 hộ gia đình năm 2017. Nội dung phiếu phỏng vấn bao gồm các thông tin chung về hộ gia đình; diện tích, sản lượng, giá bán lúa và chi phí trồng lúa (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) theo vụ; những khó khăn trong sản xuất lúa...

2.2. Phương pháp nghiên cứu

* *Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp*: Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các cơ quan như Chi cục Thống kê, Phòng Nông nghiệp, Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện Phú Vang, UBND xã Vinh Hà... Trên cơ sở đó, chọn lọc các loại tài liệu có giá trị sử dụng để xác định nội dung cần điều tra bổ sung.

* *Phương pháp khảo sát thực địa kết hợp điều tra xã hội học*:

Việc nghiên cứu thực địa nhằm mục đích thu thập tư liệu, tìm hiểu thực tế địa bàn, kiểm tra, đối chiếu tư liệu, chụp ảnh thực địa và một số kết quả nghiên cứu theo các xứ đồng. Các xứ đồng khảo sát thực địa bao gồm:

Vùng 1: Từ xứ đồng Mũi Sơn đến xứ đồng Tân tinh (thuộc địa bàn 3 thôn Phường Nhất, Phường 3 và thôn Phường 5).

Vùng 2: Từ xứ đồng Ngoại ông Quát đến vùng Cây Đu (thuộc 2 thôn Phường 4 và Phường 2).

Vùng 3: Các Ô: 1, 2, 3, 4 và các Vịnh.

Trong quá trình đi thực địa vào năm 2018 đã kết hợp điều tra hiệu quả SĐĐ trồng lúa theo hộ gia đình bằng phiếu điều tra để thu thập dữ liệu sơ cấp. Phương pháp chọn mẫu được lựa chọn là chọn mẫu ngẫu nhiên theo chùm dựa trên cơ sở phỏng vấn cán bộ Xã và Trưởng thôn để định hướng điều tra vào 56 hộ trồng lúa (đảm bảo yêu cầu cỡ mẫu thống kê là phải có ít nhất 50 hộ)

* *Phương pháp phân tích tổng hợp*:

Từ những dữ liệu sơ cấp và thứ cấp, tiến hành phân tích và tổng hợp lại để có tầm nhìn bao quát về tính hợp lý của việc SĐĐ trồng lúa; những khó khăn trong sản xuất lúa hiện nay để có những giải pháp khả thi, có tính thực tiễn cao ở địa bàn nghiên cứu.

* Phương pháp đánh giá hiệu quả SDD nông nghiệp

Hiệu quả SDD trồng lúa được đánh giá ở 3 khía cạnh:

- *Hiệu quả kinh tế*: Được đánh giá thông qua chỉ tiêu Tỷ suất lợi ích - chi phí (Benefit - Cost Ratio, ký hiệu BCR) và được tính theo công thức:

$$BCR = \frac{B}{C} \quad [2] \quad (1)$$

Trong đó: B: Giá trị sản xuất lúa/ha/năm, C: Chi phí sản xuất lúa/ha/năm (lao động, giống, phân bón, thuốc trừ sâu...).

- *Hiệu quả xã hội* được đánh giá theo 03 chỉ tiêu: Giải quyết nhu cầu lao động; mức độ chấp nhận của người SDD trồng lúa, mức độ phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH).

- *Hiệu quả môi trường* được đánh giá theo 03 chỉ tiêu: Tăng khả năng che phủ đất, duy trì bảo vệ đất, khả năng gây ô nhiễm đất.

Mỗi chỉ tiêu được phân cấp thành 4 bậc: Kém, trung bình, khá và tốt, tương ứng với thang điểm 1, 2, 3, 4.

Bảng 1. Phân cấp chỉ tiêu đánh giá hiệu quả SDD trồng lúa

TT	Chỉ tiêu	Phân cấp	Ký hiệu	Thang điểm
1	Tỷ suất lợi ích - chi phí	< 1,50	BCR1	1
		1,50 – 1,99	BCR2	2
		2,00 – 2,49	BCR3	3
		≥ 2,50	BCR4	4
2	Giải quyết nhu cầu lao động	Thấp	LD1	1
		Trung bình	LD2	2
		Cao	LD3	3
		Rất cao	LD4	4
3	Mức độ chấp nhận của người SDD trồng lúa	Không chấp nhận	CN1	1
		Ít chấp nhận	CN2	2
		Chấp nhận	CN3	3
		Hoàn toàn chấp nhận	CN4	4
4	Mức độ phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển KT-XH	Không phù hợp	PHN1	1
		Ít phù hợp	PHN2	2
		Phù hợp	PHN3	3
		Rất phù hợp	PHN4	4
5	Tăng khả năng che phủ ĐNN	Thấp (<10%)	TCP1	1
		Trung bình (10 – 29,9%)	TCP2	2
		Khá cao (30 -49,9 %)	TCP3	3
		Rất cao (≥ 50%)	TCP4	4

TT	Chỉ tiêu	Phân cấp	Ký hiệu	Thang điểm
6	Duy trì bảo vệ đất	Tác động và gây suy thoái	BVD1	1
		Duy trì bảo vệ đất	BVD2	2
		Cải thiện chất lượng đất khá tốt	BVD3	3
		Cải thiện chất lượng đất rất tốt	BVD4	4
7	Khả năng gây ô nhiễm đất	Rất cao	KNON1	1
		Khá cao	KNON2	2
		Trung bình	KNON3	3
		Thấp	KNON4	4

Ghi chú: Phân cấp dựa vào [1]

Sau khi xem xét kết quả điều tra thực tế ở địa phương, tiến hành phân tích, nội suy để đánh giá theo từng chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường. Cuối cùng, tiến hành đánh giá tổng hợp hiệu quả SĐĐ trồng lúa bằng cách tính điểm trung bình nhân của các chỉ tiêu theo công thức:

$$M = \sqrt[n]{M_1 \times M_2 \times \dots \times M_n} \quad [2] \quad (2)$$

Trong đó:

M là điểm đánh giá tổng hợp hiệu quả SĐĐ trồng lúa;

n là số lượng chỉ tiêu đưa vào đánh giá thành phần;

$M_1, M_2, \dots, M_n$: các điểm đánh giá thành phần từng chỉ tiêu từ 1 đến n.

Việc phân hạng hiệu quả SĐĐ trồng lúa theo 4 hạng với khoảng cách điểm mỗi hạng được thể hiện qua bảng 2.

Bảng 2. Phân hạng hiệu quả SĐĐ trồng lúa

STT	Điểm đánh giá tổng hợp	Phân hạng hiệu quả SĐĐ trồng lúa
1	3,26 - 4,00	Tốt
2	2,51 - 3,25	Khá
3	1,76 - 2,50	Trung bình
4	1,00 - 1,75	Thấp

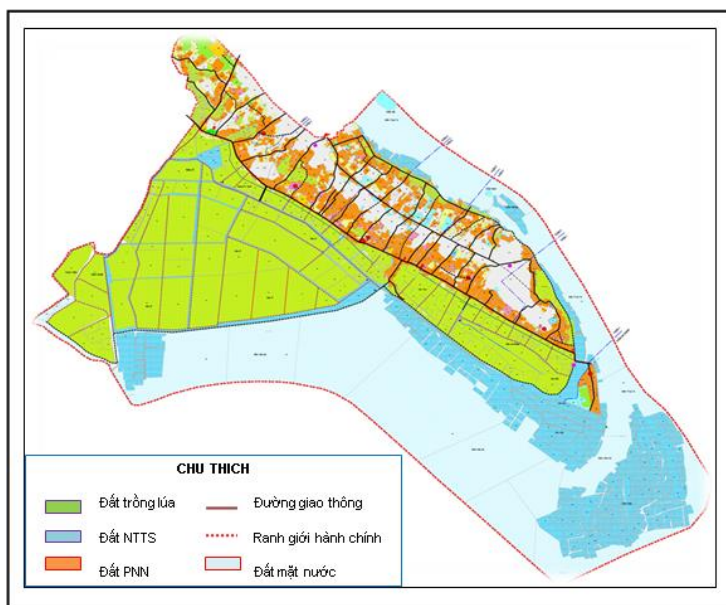
3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Hiện trạng sử dụng đất trồng lúa xã Vinh Hà năm 2017

Theo kết quả thống kê đất đai, xã Vinh Hà có tổng diện tích đất nông nghiệp là 1.379,58 ha, chiếm 46,9% diện tích tự nhiên.

Trong đất nông nghiệp, đất sản xuất nông nghiệp gồm 979,01 ha, chiếm 70,96%. Trong đất sản xuất nông nghiệp, đất trồng cây hàng năm là 809,67 ha chiếm 82,7% diện tích.

Trong đất trồng cây hàng năm, đất trồng lúa nước chiếm gần 97%, tương ứng với 782,05 ha; còn lại là diện tích đất trồng cây hàng năm khác [7].



Hình 1. Sơ đồ hiện trạng SDD xã Vinh Hà

Từ hình 1 cho thấy, vùng đất trồng lúa chủ yếu nằm tiếp giáp với đầm Cầu Hai. Hàng năm, diện tích gieo trồng lúa bình quân rất lớn, khoảng 938,8 ha trong giai đoạn 2010 - 2017 (bảng 3).

Bảng 3. Diện tích gieo trồng lúa xã Vinh Hà giai đoạn 2010 - 2017

TT	Năm	Diện tích trồng lúa (ha)			
		Cả năm	Đông Xuân	Đông Xuân muộn	Hè Thu
1	2010	924,0	278,0	448,0	198,0
2	2011	930,0	278,0	448,0	204,0
3	2012	927,0	278,0	451,0	198,0
4	2013	943,7	280,7	454,0	209,0
5	2014	944,1	280,7	454,4	209,0
6	2015	947,1	280,7	457,4	209,0
7	2016	947,1	280,7	457,4	209,0
8	2017	947,1	280,7	457,4	209,0
Bình quân		938,8	279,7	453,5	205,6

Nguồn: [5, 7]

Từ bảng 3 cho thấy, trong giai đoạn 2010 - 2012, diện tích lúa ổn định ở mức 930,0 ha, đến năm 2013 tăng lên 943,7 ha và năm 2017 tăng lên 947,1 ha. Như vậy, nếu canh tác hợp lý thì có thể ổn định diện tích gieo trồng lúa với 947,1 ha.

3.2. Đánh giá hiệu quả SDD nông nghiệp

a. Đánh giá thành phần

* Hiệu quả kinh tế

Dựa vào kết quả điều tra ngẫu nhiên 56 hộ gia đình mang tính đại diện cho 5 thôn thì hiệu quả kinh tế của việc SĐĐ trồng lúa được thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4. Hiệu quả kinh tế của việc SĐĐ trồng lúa xã Vinh Hà năm 2017

TT	Thôn	Chi phí (Triệu đồng/ha)	Giá trị sản xuất (Triệu đồng/ha)		Giá trị gia tăng (Triệu đồng/ha)		BCR	
			Đông Xuân	Hè Thu	Đông Xuân	Hè Thu	Đông Xuân	Hè Thu
1	Phường Nhất	25,36	39,68	38,4	14,32	13,04	1,56	1,51
2	Phường 2	25,36	41,6	39,04	16,24	13,68	1,64	1,54
3	Phường 3	25,36	42,24	40,32	16,88	14,96	1,67	1,59
4	Phường 4	25,36	42,24	40,32	16,88	14,96	1,67	1,59
5	Phường 5	25,36	42,24	40,32	16,88	14,96	1,67	1,59
Trung bình vụ							1,64	1,56
Trung bình năm							1,60	

Nguồn: Tính toán từ kết quả phỏng vấn các hộ gia đình năm 2017

Với năng suất vụ Đông Xuân từ 62,0 - 66,0 tạ/ha và vụ Hè Thu đạt 60,0 - 63,0 tạ/ha thì hiệu quả đầu tư vụ Đông Xuân là 1,64 lần, vụ Hè Thu là 1,56 lần. Như vậy, hiệu quả SĐĐ trồng lúa ở cả 2 vụ đều ở mức trung bình (BCR2).

** Hiệu quả xã hội*

- *Giải quyết nhu cầu lao động*: Nhu cầu sử dụng lao động trong những năm gần đây theo hướng giảm do việc cơ giới hóa cao trong khâu làm đất, thu hoạch. Tuy nhiên, do đặc điểm các khu vực canh tác khá phân tán, manh mún nên việc áp dụng cơ giới hóa còn gặp nhiều khó khăn, chưa giảm tối đa tỷ lệ lao động thủ công nên khả năng giải quyết nhu cầu lao động đối với các vùng đất trồng lúa của xã Vinh Hà ở mức trung bình (LD2).

- *Mức độ chấp nhận của người SĐĐ*: Trồng lúa nước là phương thức canh tác truyền thống, phù hợp với tập quán canh tác lâu đời của nhân dân, trực tiếp giải quyết lương thực tại chỗ và tạo thu nhập nên cơ bản được người dân chấp nhận (CN3).

- *Mức độ phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển KT-XH*: Trên cơ sở các chiến lược, quy hoạch phát triển KT-XH của địa phương, đặc biệt là đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2020 tầm nhìn đến năm 2025 của xã Vinh Hà đã được phê duyệt, HTX nông nghiệp Vinh Hà đã triển khai “Mô hình cánh đồng mẫu lớn” do UBND huyện Phú Vang, Sở nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thừa Thiên Huế hỗ trợ đã mang lại hiệu quả lớn trong tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất để tăng năng suất cây trồng, đẩy mạnh thực hiện cơ giới hoá đồng ruộng, tăng hiệu quả sản xuất trên một đơn vị diện tích đất canh tác không ngừng được quan tâm, tạo nền tảng thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất nông sản hàng hoá có chất lượng cao do vậy có thể đánh giá việc phát triển cây lúa nước của xã là rất phù

hợp với các chiến lược, chính sách của địa phương xã Vinh Hà nói riêng cũng như ngành nông nghiệp nói chung (PHN4).

** Hiệu quả môi trường*

- *Khả năng che phủ đất*: Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường (2015), lúa là cây trồng ngắn ngày nên ít có khả năng tăng độ che phủ đất. Do vậy, khả năng che phủ của đất trồng lúa có giá trị thấp (TCP1).

- *Duy trì bảo vệ đất*: Kết quả điều tra, khảo sát cho thấy việc hình thành tầng đế cày qua quá trình canh tác đã góp phần làm hạn chế xói mòn đất, sự rửa trôi các chất dinh dưỡng xuống tầng sâu, làm giảm độ chua của đất, hàm lượng các chất dinh dưỡng được tăng lên do kết quả của việc đầu tư vật chất lâu dài vào đất thông qua phân bón và nước tưới nên các vùng đất trồng lúa xã Vinh Hà đảm bảo khả năng duy trì và bảo vệ đất (BVD2).

- *Khả năng gây ô nhiễm đất*: 100% các nông hộ tại địa phương không sử dụng phân chuồng và các loại phân hữu cơ khác. Các loại phân vô cơ được sử dụng gồm đạm, lân, kali, NPK và vôi bột. Tuy nhiên, việc bón lân và vôi lại không thường xuyên (2 năm bón vôi 1 lần, phân lân chỉ bón lót vụ Đông Xuân). Hậu quả là đất ngày càng bị thoái hóa và hiệu quả sử dụng phân bón thấp. Các loại sâu bệnh hại phổ biến gồm sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn,... Bình quân số lần phun thuốc bảo vệ thực vật vụ Đông Xuân là 4 - 5 lần/vụ, Vụ Hè Thu 3 - 4 lần, đặc biệt nhiều hộ có thói quen phun thuốc định kỳ 10 ngày 1 lần và không cần biết là có sâu, bệnh xuất hiện hay không. Trong đó, một số loại thuốc bảo vệ thực vật đã bị cấm sử dụng gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường tự nhiên. Hiện tại, xã Vinh Hà đã triển khai đầu tư các bể chứa bao bì bảo vệ thực vật tại các đầu trục đường giao thông nội đồng để tập kết bao bì, chai lọ phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong SXNN. Người dân có ý thức thực hiện tốt nên phần nào giảm được ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, việc vận chuyển và xử lý vẫn chưa được triển khai do thiếu kinh phí nên khả năng gây ô nhiễm đất khá cao (KNON2).

b. Đánh giá tổng hợp hiệu quả SĐĐ trồng lúa

Qua kết quả phân tích đánh giá ở các phần trên, được tổng hợp thành kết quả đánh giá hiệu quả SĐĐ trồng lúa như ở bảng 5.

Bảng 5. Đánh giá tổng hợp hiệu quả SĐĐ trồng lúa

TT	Hiệu quả	Chỉ tiêu	Điểm đánh giá theo chỉ tiêu	Điểm đánh giá tổng hợp theo tiêu chí
1	Kinh tế	1. Tỷ suất lợi ích - chi phí (BCR2)	2	2,00
2	Xã hội	2. Giải quyết nhu cầu lao động (LD2)	2	2,88

		3. Mức độ chấp nhận của người SĐĐ trồng lúa (CN3)	3	
		4. Mức độ phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển KT-XH (PHN4)	4	
3	Môi trường	5. Khả năng che phủ đất (TCP1)	1	1,59
		6. Duy trì bảo vệ đất (BVD2)	2	
		7. Khả năng gây ô nhiễm đất (KNON2)	2	
Điểm đánh giá tổng hợp: 2,09 (Trung bình)				

Từ bảng 5 cho thấy, hiệu quả SĐĐ trồng lúa tại xã Vinh Hà chỉ đạt mức trung bình do vẫn còn nhiều khó khăn trong quá trình sản xuất.

3.3. Những khó khăn, bất cập trong SĐĐ và sản xuất lúa hiện nay

Qua thực tiễn các báo cáo tổng kết [4, 6] và khảo sát thực địa, có thể đúc kết những khó khăn, bất cập chủ yếu trong SĐĐ và sản xuất lúa như sau:

- Thời tiết, khí hậu diễn biến khá phức tạp, biểu hiện của biến đổi khí hậu khá rõ rệt,... đã ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng, phát triển của cây lúa. Khí hậu nóng, ẩm nên dịch bệnh của lúa vẫn xảy ra hàng năm....

- Công tác quy hoạch trồng lúa trên địa bàn xã Vinh Hà còn manh mún, chưa đồng đều đổi thửa được một cách toàn diện. Đất trồng lúa ở gần các khu dân cư chưa có hệ thống thoát nước sinh hoạt. Vì vậy, nước thải ô nhiễm chưa được xử lý được xả thẳng ra các vùng trồng lúa nên đất đang có nguy cơ dần dần bị ô nhiễm.

- Công tác quản lý, chỉ đạo sản xuất lúa thiếu kiên quyết xử lý các vấn đề nảy sinh. Điển hình là một số giống lúa dài ngày (NN4B, Xi23...) chưa được thay thế và một số giống không được đưa vào cơ cấu giống nhưng nông dân vẫn gieo trồng hoặc nông dân gieo trồng sớm hơn so với khung lịch thời vụ, một số giống lúa dài ngày hết thời vụ nhưng vẫn tiếp tục gieo trồng, gây khó khăn trong chỉ đạo, điều hành.

- Việc tiếp cận và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và nhân rộng các mô hình “cánh đồng mẫu lớn” có hiệu quả còn hạn chế. Chưa áp dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học kỹ thuật và cơ giới hoá trong sản xuất lúa.

- Giá lúa còn ở mức thấp trong khi giá thuê công lao động, giá các loại vật tư vẫn còn ở mức cao nên đã hạn chế hiệu quả trong việc đầu tư sản xuất lúa. Chưa có chính sách hỗ trợ đủ mạnh để khuyến khích doanh nghiệp, người dân trong liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa nên sản lượng lúa làm ra chủ yếu cung ứng tại địa phương.

- Một số hệ thống kênh mương chưa hoàn thiện, chưa được kiên cố hóa nên không đảm bảo cho việc sản xuất, tăng vụ tăng năng suất như ở vùng Bàu ô và các Vịnh có tới 457 ha, nhưng chỉ làm được một vụ vì đề bao không đảm bảo, chưa được đầu tư đồng bộ gây khó khăn trong việc cấp nước tưới tiêu, tiêu thoát nước khi ngập úng.

- Công tác canh tác sản xuất lúa chưa gắn liền với việc bảo vệ đất, tăng cường độ phì của đất, còn lạm dụng quá nhiều thuốc bảo vệ thực vật, lạm dụng phân vô cơ vào sản xuất lúa, không dùng phân hữu cơ. Vì vậy, có nguy cơ gây ô nhiễm đất trồng lúa và làm cho đất bị thoái hoá

3.4. Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất trồng lúa

- *SDD trồng lúa tiết kiệm, có hiệu quả*: Ưu tiên SDD tốt cho nông nghiệp (lúa), dành đất xấu (có khả năng sản xuất thấp) cho các mục đích phi nông nghiệp. Trong canh tác cây lúa, cần quan tâm thâm canh ngay từ đầu, thâm canh liên tục và theo chiều sâu. Những vùng thường bị ngập úng đầu vụ Đông Xuân, không chủ động tiêu úng thì gieo mạ để cấy hoặc chuyển sang giống ngắn ngày nhằm hạn chế thiệt hại và giảm chi phí đầu úng, đảm bảo thời vụ gieo cấy.

Ổn định diện tích lúa, tăng cường đầu tư, sử dụng giống lúa xác nhận đạt trên 98% diện tích gieo cấy. Mở rộng diện tích các giống lúa chất lượng đã được khảo nghiệm và thích ứng với điều kiện địa phương.

- *Giải pháp về vốn đầu tư*: Các hộ gia đình cần phải huy động từ nhiều nguồn vốn khác nhau. Cần có chính sách trợ giá, trợ cước đối với giống và vật tư cho sản xuất lúa. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư vào nông nghiệp nói chung và sản xuất lúa nói riêng...

- *Giải pháp về thị trường*: Giống lúa rất đa dạng nên cần xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ tạo liên kết sản xuất giữa các hộ gia đình; liên kết giữa hộ sản xuất các giống lúa chất lượng cao và các khâu bảo quản, chế biến, thu mua và tiêu thụ sản phẩm. Cần tăng cường công tác thông tin thị trường, giao trách nhiệm cho một bộ phận thường xuyên theo dõi, thu thập, xử lý và phổ biến thông tin thị trường kịp thời.

- *Giải pháp về cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn*: Tăng cường nâng cấp, cải tạo các hệ thống tưới tiêu hiện có, đồng thời xây dựng mới các công trình tưới tiêu đảm bảo tưới tiêu chủ động cho toàn bộ diện tích canh tác lúa, đạt 100% diện tích lúa thâm canh có hệ thống kênh tưới được kiên cố hóa. Từng bước sử dụng công nghệ tưới tiêu hiện đại, tiết kiệm nước. Hoàn thiện hệ thống giao thông nội đồng tạo điều kiện thuận lợi cho việc cơ giới hóa sản xuất trong sản xuất và vận chuyển lúa. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt để không xả thẳng nước ô nhiễm ra vùng đất trồng lúa.

- *Giải pháp về khuyến nông*: Chuyển giao các tiến bộ khoa học - kỹ thuật cho người dân trong toàn xã. Hỗ trợ một phần giống lúa chất lượng cao cho người dân.

Bố trí cơ cấu giống lúa hợp lý giữa các nhóm dài ngày, trung ngày và ngắn ngày; nhóm giống chất lượng, dựa trên cơ sở điều kiện thực tế của từng địa phương và thị trường tiêu thụ.

Thời vụ gieo trồng: Vụ Đông Xuân vẫn bố trí thời vụ để lúa trổ từ ngày 10/4 đến 25/4, tập trung từ 15/4 - 25/4 để tránh hạn hán, thiếu nước hoặc đất bị nhiễm mặn vào thời kỳ nắng nóng. Vụ Hè Thu gieo cấy càng sớm càng tốt, thu hoạch cơ bản xong trước ngày 30/8 để tránh lũ lụt.

Tùy theo điều kiện thực tế của từng cánh đồng để có các biện pháp cụ thể phù hợp về giống, cơ cấu diện tích giữa cây và gieo sạ, điều hành tốt khâu thủy lợi, làm đất đáp ứng khung lịch thời vụ.

4. KẾT LUẬN

Với những điều kiện tự nhiên thuận lợi nên xã Vinh Hà có khả năng phát triển nông nghiệp với thế mạnh là cây lúa. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cho thấy, hiệu quả SDD trồng lúa chỉ ở mức trung bình. Mặc dù kỹ thuật canh tác của người dân ngày càng tăng lên nhưng sản phẩm làm ra chỉ cung cấp cho thị trường địa phương là chủ yếu. Bên cạnh đó, những tàn dư của việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón đang gây ảnh hưởng xấu đến môi trường. Vì vậy, trên cơ sở xem xét hiệu quả và những khó khăn, bất cập trong SDD và sản xuất lúa, các giải pháp nâng cao hiệu quả SDD trồng lúa theo hướng bền vững đã được đề xuất liên quan - SDD trồng lúa tiết kiệm, có hiệu quả, huy động vốn đầu tư từ nhiều nguồn vốn khác nhau. Mở rộng thị trường cho sản xuất lúa, nâng cao và hoàn thiện cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn và khuyến nông, khuyến lâm. Đây là những giải pháp có tính khả thi cao đối với xã Vinh Hà hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Tài nguyên Môi trường (2015). *Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT ngày 15/12/2015 quy định về kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai*, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Nguyễn Thế Chinh (2003). *Giáo trình Kinh tế và quản lý môi trường*, NXB Thống kê, Hà Nội.
- [3]. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2015), *Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 về quản lý, sử dụng đất trồng lúa*, Hà Nội.
- [4]. UBND xã Vinh Hà (2017). *Báo cáo tổng kết sản xuất nông nghiệp 2017*, Báo cáo số 542/BC-UBND ngày 20/12/2017, Vinh Hà.
- [5]. UBND xã Vinh Hà (2016). *Diện tích trồng lúa xã Vinh Hà giai đoạn 2010 - 2016*, Vinh Hà.
- [6]. UBND xã Vinh Hà (2016). *Báo cáo năng suất và sản lượng lúa xã Vinh Hà giai đoạn 2010 - 2016*, Vinh Hà.
- [7]. UBND xã Vinh Hà (2017). *Báo cáo biến động ĐNN xã Vinh Hà năm 2014 - 2017*, Vinh Hà.

**THE CURRENT SITUATION AND THE SOLUTIONS TO IMPROVE LAND USE
EFFICIENCY FOR PADDY IN VINH HA COMMUNE, PHU VANG DISTRICT,
THUA THIEN HUE PROVINCE**

Bui Thi Thu*, Tran Huu Dao, Thai Nhat Truong

Faculty of Geography and Geology, University of Sciences, Hue University

*Email: lapthuhue@gmail.com

ABSTRACT

The agricultural land of Vinh Ha commune accounts for 46.9% of the total natural land area. Of which, rice land accounts for 56.7% of agricultural land area. Thus, Vinh Ha commune's agriculture mainly relies on rice production. On the basis of assessing the economic, social and environmental efficiency of paddy land use at the medium level and the difficulties in current rice production, some solutions are proposed to improve the efficiency of paddy land use such as: paddy land use in a thrifty and efficient way, investment capitals from various sources, market expansion for rice production, raising and improving agricultural and rural infrastructure and agriculture encouragement.

Keywords: Land use efficiency, paddy land, Vinh Ha commune.



Bùi Thị Thu sinh ngày 28/3/1970 tại TP. Huế. Năm 1993, bà tốt nghiệp cử nhân ngành Địa lý tại Trường Đại học Tổng hợp Huế. Năm 2002, bà nhận học vị Thạc sĩ chuyên ngành Địa lý tự nhiên tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 2014, bà nhận học vị Tiến sĩ chuyên ngành Quản lý tài nguyên và môi trường tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội. Từ năm 1993 đến nay, bà công tác tại Trường Đại học Tổng hợp, nay là Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Tài nguyên du lịch, tài nguyên đất, kinh tế tài nguyên và một số vấn đề về phát triển nông nghiệp, nông thôn.



Trần Hữu Đạo sinh ngày 10/12/1976 tại Thừa Thiên Huế. Năm 2011, ông tốt nghiệp kỹ sư ngành Nông học tại Trường Đại học Nông Lâm, ĐH Huế. Từ năm 2017, ông là học viên cao học chuyên ngành Quản lý Tài nguyên và môi trường tại Trường Đại học Khoa học, ĐH Huế. Hiện ông công tác tại UBND xã Vinh Hà.

Lĩnh vực nghiên cứu: Nông nghiệp, tài nguyên và môi trường.



Thái Nhật Trường sinh ngày 06/05/1987 tại Thừa Thiên Huế. Năm 2009, ông tốt nghiệp Cử nhân Địa lý tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 2015, ông tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế. Hiện ông công tác tại phòng Công tác học sinh, sinh viên, Trường Đại học Khoa học, ĐH Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Địa lý tự nhiên, tài nguyên & môi trường.